TOÀ ÁN NHÂN DÂN	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
QUẬN HẢI CHÂU	**Độc lập - Tự Do - hạnh phúc**
TP. ĐÀ NẴNG	*Hải Châu, ngày 15 tháng11 năm 2019*
*Số: **333**/2019/QĐST-HNGĐ*	

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HẢI CHÂU – THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Căn cứ vào Điều 212, 213 và 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30.12.2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 333/2019/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 10 năm 2019 về việc "*Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, nuôi con*", gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Bà **Lê Thị Mỹ H1** - Sinh năm 1981.
- Ông **Trần Quốc T1** - Sinh năm 1979.

Cùng trú tại: 87 đường N, phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị Mỹ H1 và ông Trần Quốc T1 tự nguyện kết hôn vào năm 2001, có đăng ký kết hôn tại UBND phường H, thành phố Đà Nẵng (theo giấy chứng nhận kết hôn số 41, quyển số 01-2001), hôn nhân tự nguyện là hợp pháp, các bên thừa nhận tình cảm vợ chồng không còn và thống nhất ly hôn là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật nên chấp nhận.

[2] Về con chung: Bà Lê Thị Mỹ H1 và ông Trần Quốc T1 xác định có 04 con chung Trần Lê Mai H2 – sinh ngày 16/01/2002, Trần Lê Ánh T2 – sinh ngày 04/10/2006, Trần Lê Quốc B – sinh ngày 02/09/2008 và Trần Lê Tuấn K – sinh ngày 02/07/2017.

Ly hôn, bà Lê Thị Mỹ H1 và ông Trần Quốc T2 thống nhất thỏa thuận giao 04 con chung Trần Lê Mai H2, Trần Lê Ánh T2, Trần Lê Quốc B và Trần Lê Tuấn K cho ông T1 trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các con chung lần lượt đủ 18 tuổi. Bà H1 không phải cấp dưỡng nuôi 04 con chung.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Bà Lê Thị Mỹ H1 và ông Trần Quốc T1 không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về lệ phí Tòa án: Bà Lê Thị Mỹ H1 và ông Trần Quốc T1 phải nộp lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Công nhận bà Lê Thị Mỹ H1 và ông Trần Quốc T1 thuận tình ly hôn.

- *Về con chung*: Bà Lê Thị Mỹ H1 và ông Trần Quốc T1 thống nhất thỏa thuận như sau: Giao 04 con chung Trần Lê Mai H2 – sinh ngày 16/01/2002, Trần Lê Ánh T2 – sinh ngày 04/10/2006, Trần Lê Quốc B – sinh ngày 02/09/2008 và Trần Lê Tuấn K – sinh ngày 02/07/2017 cho ông T1 trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các con chung lần lượt đủ 18 tuổi. Bà H1 không phải cấp dưỡng nuôi 04 con chung.

Ly hôn, các bên vẫn có đầy đủ mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật.

- *Về tài sản chung và nợ chung:* Bà Lê Thị Mỹ H1 và ông Trần Quốc T1 không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí tòa án: Lệ phí giải quyết việc hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) bà Lê Thị Mỹ H1 và ông Trần Quốc T1 phải chịu nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0008598 ngày 29.10.2019 của Chi cục thi hành án dân sự quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng, (bà Lê Thị Mỹ H1 và ông Trần Quốc T1 đã nộp đủ lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *Đương sự;*
- *TAND thành phố Đà Nẵng;*
- *VKSND quận Hải Châu;*
- *Chi cục THADS quận Hải Châu;*
- *UBND phường H, thành phố Đà Nẵng (theo giấy chứng nhận kết hôn số 41, quyển số 01-2001);*
- *Lưu hồ sơ việc dân sự.*

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Phương Thảo